

Thứ ba, ngày 1 tháng 10 năm 2019

Vietnam Daily Review

Phiên tăng điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 02/10/2019		•	
Tuần 30/9-4/10/2019		•	
Tháng 10/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Ngay từ đầu phiên sáng, VN-Index đã ghi nhận đà hồi phục tích cực khi lực mua gia tăng tại các mã bluechips trụ cột như VCB, VIC, BID. Đến phiên chiều, sau khi giằng co quanh mốc tham chiếu, chỉ số bứt phá ấn tượng dưới sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu Ngân hàng gồm VCB, BID, TCB, VPB. Mặc dù có sự cải thiện về điểm số, thanh khoản thị trường có mức giảm nhẹ so với phiên hôm trước. Điểm trừ trong phiên giao dịch hôm nay đến từ việc khối ngoại vẫn tiếp tục bán ròng. **Nhìn chung, BSC cho rằng, tâm lý thị trường vẫn duy trì ở mức khả quan và sẽ là đòn bẩy cho chỉ số tiếp tục thử thách ngưỡng kháng cự mạnh trong những phiên tiếp theo.**

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 935 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 01/10/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm. Chứng khoán cơ sở lại có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch giảm. MSN đang giảm sau khi không vượt qua được mốc kháng cự 81. Thanh khoản giữ tại mức thấp và các chỉ báo động lượng cho thấy tín hiệu giảm trong ngắn hạn. Điều chỉnh giảm của MSN có thể tạo áp lực giảm lên giá chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme Xây dựng & Vật liệu XD_1.4%. 11/15 danh mục **Chủ đề** đều có hiệu suất trong ngày khả quan, trong đó có **9/15** danh mục **Chủ đề** có hiệu suất tốt hơn **VNINDEX (0.3%)**. Đặc biệt, danh mục **Xây dựng & Vật liệu XD** - kỳ vọng chủ yếu vào tăng trưởng về nhu cầu xây dựng BĐS và các dự án đầu tư công - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.4%**.

Phân tích kỹ thuật: DIG_Tăng giá (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **PC1, KDH, VNM, TCB, BID**

Điểm nhấn

- VN-Index **+3.03 điểm**, đóng cửa 999.59. HNX-Index **+0.80 điểm**, đóng cửa 105.85.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+1.44); BID (+0.61); TCB (+0.42); VPB (+0.22); BVH (+0.19)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VNM (-0.86); SAB (-0.30); VRE (-0.27); VHM (-0.09); PNJ (-0.05)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,126 tỷ đồng, -6.3%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 3.52 điểm. Thị trường có 162 mã tăng, 54 mã tham chiếu và 150 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **139.85 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VRE (61.96 tỷ), HPG (37.96 tỷ) và VNM (32.60 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **10.41 tỷ đồng**

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

VN-INDEX 999.59Giá trị: 3126.52 tỷ **3.03 (0.3%)**

Khối ngoại (ròng): -139.85 tỷ

HNX-INDEX 105.85Giá trị: 297.92 tỷ **0.8 (0.76%)**

Khối ngoại (ròng): -10.41 tỷ

UPCOM-INDEX 56.84Giá trị: 339.07 tỷ **0.06 (0.11%)**

Khối ngoại(ròng): 5.4 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	54.7	1.24%
Giá vàng	1,464	-0.56%
Tỷ giá USD/VND	23,203	0.01%
Tỷ giá EUR/VND	25,287	-0.34%
Tỷ giá JPY/VND	21,406	-0.29%
LS liên NH 1 tháng	3.0%	5.24%
LS TPCP 5 năm	3.1%	-0.36%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
CII	24.0	VRE	62.0
HDB	17.3	HPG	38.0
BMP	4.5	VNM	32.6
KDH	4.4	LDG	9.8
KBC	4.1	VND	8.4

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

✦ Bạn không có thời gian để đầu tư
 ✦ Bạn bán khoản với biến động thị trường
 ✦ Bạn cần hỗ trợ để đầu tư hiệu quả

I-INVEST LÀ CÔNG CỤ BẠN ĐANG TÌM KIẾM

[Tìm hiểu thêm](#)

Sử dụng i-Invest tại đây
 Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
 Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **11/15 danh mục** Chủ đề đều có hiệu suất trong ngày khả quan, trong đó có 9/15 danh mục Chủ đề có hiệu suất tốt hơn VNINDEX(0.3%). Đặc biệt, danh mục Xây dựng & Vật liệu XD - kỳ vọng chủ yếu vào tăng trưởng về nhu cầu xây dựng BDS và các dự án đầu tư công - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.4%**.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** tiếp tục có hiệu suất thể hiện tính an toàn hơn thị trường chung:

- **14/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**
 - **6/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Xây dựng & Vật liệu XD_1.4%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề (click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Xây dựng & Vật liệu XD	1.4%	3.7%	3.9%	1.2%	-4.0%	-11.3%	-7.5%
Ngân hàng	1.3%	3.4%	6.9%	16.0%	8.5%	2.2%	82.8%
Vật liệu Xây dựng	1.1%	2.2%	2.2%	3.9%	2.3%	-2.7%	0.7%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.9%	2.7%	-1.0%	-3.9%	-0.4%	9.4%	47.4%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.8%	3.6%	3.9%	-3.3%	-9.9%	-18.0%	45.6%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.8%	3.0%	4.7%	8.6%	7.9%	3.9%	71.9%
Nước & Năng lượng	0.5%	1.8%	1.8%	-1.0%	2.4%	5.3%	59.8%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.5%	1.7%	4.4%	11.5%	10.6%	1.7%	79.5%
Chiến tranh thương mại	0.4%	1.4%	-2.9%	-5.4%	-3.1%	-1.8%	4.1%
Lãi suất giảm	0.3%	1.8%	2.1%	-0.6%	0.0%	0.1%	51.5%
BDS & Khu công nghiệp	0.2%	1.1%	0.4%	4.7%	2.4%	-0.3%	62.9%
Xây dựng	-0.1%	2.9%	5.4%	2.5%	-6.4%	-10.3%	27.4%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.2%	0.2%	1.1%	2.3%	-1.4%	1.8%	76.4%
Hàng tiêu dùng	-0.6%	-0.3%	1.5%	7.5%	9.2%	5.0%	62.1%
Dầu khí	-0.8%	-0.2%	-0.9%	-2.1%	-3.1%	-15.8%	10.1%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 8	1.1%	2.3%	3.2%	9.8%	12.8%	9.7%	63.7%
Danh mục 6	0.9%	2.3%	2.3%	10.8%	15.1%	12.5%	93.8%
Danh mục 1	0.9%	2.4%	5.5%	13.2%	12.6%	5.2%	72.4%
Danh mục 11	-0.8%	0.4%	1.8%	0.6%	-3.7%	-7.0%	78.2%
Danh mục 3	-0.9%	-0.4%	1.2%	2.9%	-2.4%	-10.3%	25.9%

* Note **14/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 20	1.1%	2.0%	0.1%	4.3%	1.5%	2.8%	16.9%
Danh mục 19	0.9%	2.2%	4.7%	12.0%	11.2%	10.6%	58.7%
Danh mục 24	0.8%	3.0%	4.8%	12.5%	13.2%	5.1%	68.8%
Danh mục 25	0.3%	2.8%	-0.7%	8.1%	10.1%	28.7%	179.5%
Danh mục 22	-0.1%	1.8%	6.6%	18.3%	16.3%	7.2%	79.9%

* Note **6/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

INDEX							
VNINDEX	0.3%	1.2%	1.6%	4.1%	1.3%	-1.3%	45.8%
VN30INDEX	0.4%	1.7%	3.8%	6.1%	2.8%	-6.9%	38.6%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

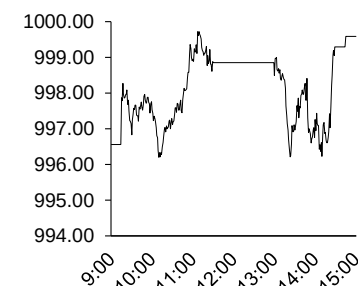
BSC RESEARCH

10/1/2019

Vietnam Daily Review

Hình 1

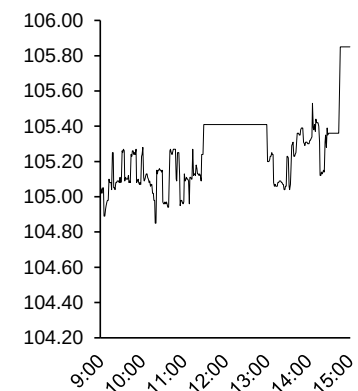
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ngân hàng	1.3%
Xây dựng và Vật liệu	1.1%
Công nghệ Thông tin	1.1%
Bảo hiểm	0.9%
Bán lẻ	0.8%
Truyền thông	0.7%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.5%
Dịch vụ tài chính	0.4%
Hóa chất	0.4%
Viễn thông	0.0%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.0%
Du lịch và Giải trí	0.0%
Bất động sản	0.0%
Tài nguyên Cơ bản	-0.1%
Dầu khí	-0.1%
Thực phẩm và đồ uống	-0.3%
Y tế	-0.8%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.9%
Ô tô và phụ tùng	-0.9%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

DIG_Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá ngắn hạn.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: tăng dần trên mốc 50 và chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: Cổ phiếu DIG đang nằm trong xu hướng hồi phục tích cực sau gần nửa năm giảm điểm từ vùng giá 16 xuống ngưỡng hỗ trợ 12. Cho dù có trạng thái tích lũy ngắn hạn trong những tuần vừa rồi tại khu vực 13.5 – 14.5, trong phiên hôm nay, cổ phiếu này đã có sự cố gắng phá ngưỡng kháng cự ở mức giá 15. Các chỉ báo kỹ thuật đang ủng hộ cho đà tăng của DIG. Dự kiến cổ phiếu có thể quay trở lại tiếp cận ngưỡng giá 16, nơi DIG đã hai lần không thể vượt qua được suốt hơn một năm nay.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

Kết quả kinh doanh được kỳ vọng tăng tốc từ cuối năm 2019. BSC dự báo doanh thu và lợi nhuận trước thuế năm 2019 của DIG lần lượt đạt 2,880 tỷ đồng (+17% yoy) và 553 tỷ đồng (+29.2% yoy) dựa trên giả định hạch toán (1) 20% phần còn lại dự án DIC-Phoenix (DT ước đạt 343 tỷ đồng), (2) Giả định hạch toán được 20% dự án GateWay (DT ước đạt 575 tỷ đồng) và (3) Dự án Nam Vĩnh Yên GĐ1 đóng góp khoảng 800 tỷ doanh thu. LNST ước tính khoảng 442 tỷ đồng (+36.5% YoY). EPS 2019F = 1,478 đồng/cp. Với mức giá ngày 02/08/2019, DIG đang giao dịch với mức PE FW 2019 là 8.8 lần, thấp hơn mức định giá so với các doanh nghiệp trong ngành.

Luận điểm đầu tư

Sở hữu quỹ đất lớn với giá vốn rẻ.

Lợi nhuận được kỳ vọng cải thiện mạnh từ cuối năm 2019 và điểm rơi lợi nhuận vào năm 2020.

Cập nhật KQKD

KQKD 1H2019 sụt giảm so với cùng kỳ do chưa ghi nhận nhiều dự án. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 695.4 tỷ đồng (-32.6% YoY) và 50.5 tỷ đồng (-48.8% YoY) chủ yếu do yếu tố độ trễ của việc hạch toán lợi nhuận bất động sản. Doanh thu 6 tháng đầu năm 2019 chủ yếu đến từ (1) Chuyển nhượng căn hộ dự án DIC Phoenix và (2) Chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án Nam Vĩnh Yên. Với điểm rơi lợi nhuận chủ yếu rơi vào nửa cuối năm 2019 và khả năng hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2019 là khả thi.

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: Express DIG 2019Q3

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PC1_Hồi phục mạnh

[Link](#)

BID_Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

VNM_Tăng giá

[Link](#)

TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 01/10/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 01/10	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	54.19	-3.08%	-7.54%	-1.31%	-27.99%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	60.73	-1.91%	-6.23%	3.54%	-28.53%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.60	-2.95%	-4.72%	7.23%	-24.59%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1473.88	-1.55%	-3.16%	-3.69%	24.09%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.00	-3.10%	-8.68%	-7.79%	17.65%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	904.89	2.38%	1.33%	5.48%	5.43%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	485.50	-0.56%	0.31%	13.11%	-4.91%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.27	-0.05%	0.05%	3.75%	13.41%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	156.50	-0.70%	-5.27%	-2.19%	-0.76%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	11.92	3.38%	6.24%	6.52%	2.67%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.15	0.00%	1.94%	-6.25%	-10.26%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	101.15	0.25%	2.17%	9.53%	-1.03%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.56	-0.89%	-1.36%	2.01%	-7.74%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3653.00	-0.52%	-1.03%	0.22%	-21.03%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1735.00	-0.12%	-3.34%	-0.63%	-16.75%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	91.50	0.00%	-0.54%	7.02%	31.65%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	71.68	2.66%	3.73%	7.31%	-37.63%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên giao dịch đêm qua, giá dầu Brent giảm 1.13 USD, tương đương 1.8% còn 60.78 USD. Giá dầu Tây Texas giảm 1.84 USD, tương đương 3.3%, xuống còn 54.07 USD.
- Giá dầu giảm mạnh do bất lo ngại thiếu cung và căng thẳng xung đột ở Trung Đông đã lắng dịu sau cuộc tấn công ngày 14/9 ở Saudi Arabia. Trong tháng 9, giá dầu Brent tăng 0.6% trong khi WTI giảm 1.9% sau khi tăng gần 20% sau khi các cuộc tấn công gây giảm một nửa sản lượng tại Saudi Arabia. Trong quý 3, dầu Brent giảm 8.7%, mức giảm hàng quý tồi tệ nhất kể từ quý cuối 2018, khi giá giảm 35% trong khi dầu WTI cũng giảm 7.5%
- Mỏ dầu Saudi Aramco tuần trước đã nhanh chóng khôi phục công suất đầy đủ bằng mức trước khi bị tấn công. Công suất sản xuất dầu của Aramco đã được khôi phục lên 11.3 triệu thùng/ngày sau khi cuộc tấn công gây giảm 5.7 triệu thùng/ngày, theo Reuters. Các quan chức Saudi cho biết Aramco sẽ đạt công suất 12 triệu thùng/ngày vào tháng 11. Sản lượng dầu của OPEC đã giảm xuống mức thấp nhất 8 năm vào tháng 9 còn 29.8 triệu thùng/ngày, giảm 750,000 thùng/ngày so với tháng 8.

Giá vàng

- Chốt phiên, giá vàng giao ngay giảm 1.7% xuống còn 1,471.09 USD/ounce sau khi đồng đô la lên mức cao nhất nhiều năm, khiến giá vàng tính bằng USD đắt hơn tính theo các tiền tệ khác. Đầu phiên, giá đã giảm khoảng 2% xuống mức thấp nhất kể từ 6/8 xuống còn 1,463.99 USD.
- Trong quý này, giá vàng thời đã đánh dấu quý giảm đầu tiên trong 5 quý qua, tuy nhiên kể từ đầu năm tới nay giá đã tăng hơn 4%. Giá vàng kỳ hạn tháng 12 tại Mỹ giảm 2.2% còn 1,472.90 USD.

Giá thép

- Tại Thượng Hải, giá thép cây kỳ hạn tăng sau 3 phiên giảm liên tiếp, tăng 1.1% lên 3,470 CNY (486.83 USD)/tấn. Giá thép cuộn cán nóng tăng 0.4% lên 3,463 CNY/tấn. Giá thép không gỉ tăng 0.2% lên 15,700 CNY/tấn.
- Giá quặng sắt kỳ hạn trên sàn Đại Liên tăng phiên thứ 3 liên tiếp, tăng 2.5% lên 655.5 CNY/tấn và tính chung cả tháng 9/2019 tăng gần 10% sau khi giảm 23.3% trong tháng 8/2019. Giá thép và quặng sắt tại Trung Quốc tăng sau khi ngân hàng trung ương của nước này tuyên bố nỗ lực thúc đẩy nền kinh tế chậm chạp, song mức tăng bị hạn chế trước kỳ nghỉ lễ dài ngày.

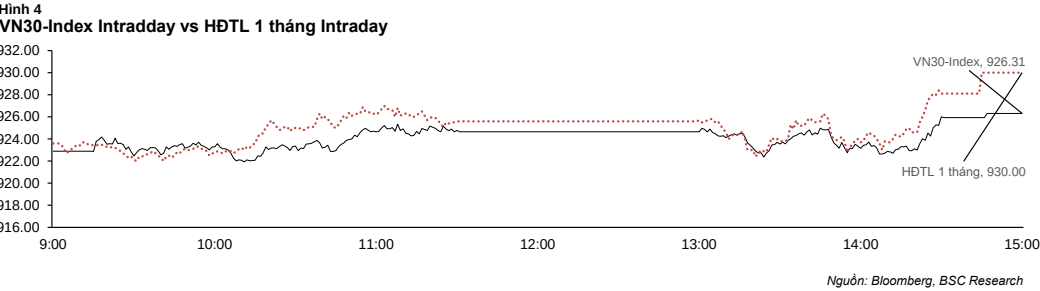
Giá nông sản

- Giá đường thô tại Chicago đã tăng cao trước khi hết hạn hợp đồng tháng 10. Chốt phiên giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2020 tăng 0.03 cent, tương đương 0.2%, đạt 12.65 cent/lb sau khi đạt đỉnh 12.85 cent, cao nhất kể từ ngày 13/8.
- Trong khi đó, cà phê Arabica giao tháng 12 tăng 0.3 cent, tương đương 0.2%, đạt mức 1.0115 USD/lb. Cà phê Robusta giao tháng 11 giảm 1 USD, tương đương 0.08%, xuống mức 1,320 USD/tấn. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong 9 tháng đầu năm ước giảm 12% so với năm ngoái xuống còn 1.27 triệu tấn.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tại Tokyo giảm do lo ngại nguồn cung dư thừa. Giá cao su kỳ hạn tháng 3/2020 giảm 1 JPY còn mức 160.5 JPY(1.49 USD)/kg. Tính cả tháng 9, giá giảm 1.8%. Giá cao su TSR 20 giao tháng 3/2020 ổn định ở mức 148.9 JPY/kg. Tại Thượng Hải, giá cao su kỳ hạn tháng 1/2020 giảm 15 CNY còn 11,470 CNY(1m607 USD)/tấn. Giá cao su TSR20 đã giảm 50 CNY còn 9,745 CNY/tấn.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1910	930.00	0.86%	3.69	1.0%	95532	10/17/2019	18
VN30F1911	927.20	0.59%	0.89	-46.5%	151	11/21/2019	53
VN30F1912	927.00	0.65%	0.69	-50.6%	195	12/19/2019	81
VN30F2003	929.00	0.98%	2.69	-92.7%	40	3/19/2020	172

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 3.42 điểm lên mức 926.31 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, VPB, FPT, MWG, và VCB tác động mạnh đến xu hướng tăng của VN30. VN30 giảm cơ quanh vùng 923-925 điểm trong hầu hết thời gian giao dịch. Đến cuối phiên, VN30 bật tăng mạnh vượt trên ngưỡng tham chiếu. Thanh khoản giảm nhẹ, tuy vẫn giữ ở mức tích cực. Về mặt kỹ thuật, các chỉ báo đều cho thấy dự địa tăng vẫn còn trong trung hạn, dự kiến kiểm tra mốc 930 điểm trong những phiên tới.
- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F1910 và VN30F1912 đều tăng, trong khi VN30F1911 và VN30F2003 đều giảm. Xét về vị thế mở, VN30F1910 và VN30F1911 đều giảm, trong khi VN30F1912 và VN30F2003 đều tăng. Điều này báo hiệu kỳ vọng tăng trong dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 935 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết
CMBB1902	HSC	12/17/2019	77	1:1	161,010	-67.6%	1.0 triệu	18.86%	3,200	4,100	4.33%	1,716.60
CMWG1904	SSI	12/30/2019	90	1:1	33,690	28.2%	2.0 triệu	20.14%	14,000	41,550	1.34%	38,548.40
CMWG1903	HSC	12/30/2019	90	5:1	76,240	-40.1%	1.8 triệu	20.14%	2,700	7,240	1.12%	6,712.00
CFPT1903	SSI	12/30/2019	90	1:1	33,790	-42.5%	1.0 triệu	19.77%	6,000	15,010	0.74%	13,894.90
CFPT1904	MBS	11/19/2019	49	3:1	146,800	-11.5%	2.0 triệu	19.77%	1,700	2,970	0.00%	2,300.30
CDPM1901	KIS	1/9/2020	100	3:1	5,750	-	5.0 triệu	-	1,900	1,980	0.00%	-
CNVL1901	KIS	2/7/2020	129	3:1	18,240	-	2.5 triệu	-	1,900	2,980	0.00%	-
CSTB1901	KIS	1/9/2020	100	3:1	44,300	-	3.0 triệu	-	1,390	1,520	0.00%	-
CVHM1901	KIS	2/7/2020	129	3:1	23,460	-	1.5 triệu	-	3,100	4,050	0.00%	-
CREE1901	MBS	11/19/2019	49	3:1	141,010	-24.5%	3.0 triệu	22.79%	1,260	1,700	0.00%	811.60
CHPG1905	SSI	12/30/2019	90	1:1	18,300	-89.9%	1.0 triệu	28.54%	3,300	2,520	0.00%	852.00
CMWG1902	VND	12/11/2019	71	4:1	205,450	1964.8%	5.0 triệu	20.14%	2,990	10,000	-3.29%	9,582.00
CVIC1901	KIS	11/14/2019	44	5:1	47,870	-14.1%	5.0 triệu	20.78%	1,960	1,320	-3.65%	10.30
CMSN1901	KIS	11/14/2019	44	5:1	71,900	-32.5%	2.0 triệu	22.75%	1,920	1,270	-4.51%	43.00
CVRE1901	KIS	11/14/2019	44	2:1	89,080	22.3%	5.0 triệu	27.28%	1,900	840	-6.67%	6.30
CVNM1901	KIS	12/13/2019	73	10:1	639,220	3.1%	1.5 triệu	18.90%	1,200	710	-10.13%	2.80
CHPG1902	KIS	12/11/2019	71	5:1	291,700	-60.8%	1.0 triệu	28.54%	1,000	170	-10.53%	-
CHPG1906	KIS	11/14/2019	44	2:1	5,450	4.6%	2.0 triệu	28.54%	1,500	480	-11.11%	2.80

Chú thích: *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 01/10/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm. Chứng khoán cơ sở lại có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch giảm.
- Về giá, CHPG1906, CHPG1902, và CVNM1901 giảm mạnh nhất lần lượt là 11.11%, 10.53%, và 10.13%. Thanh khoản thị trường giảm 31.20%. CVNM1901 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 31% thị trường.
- Các chứng quyền duy trì mức giá thị trường cao hơn so với mức giá lý thuyết. CMWG1904, CFPT1902, và CFPT1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CFPT1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. MSN đang giảm sau khi không vượt qua được mốc kháng cự 81. Thanh khoản giữ tại mức thấp và các chỉ báo động lượng cho thấy tín hiệu giảm trong ngắn hạn. Điều chỉnh giảm của MSN có thể tạo áp lực giảm lên giá chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tới.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
TCB	23.75	1.71	1.27
VPB	22.35	1.36	0.72
FPT	58.50	1.39	0.61
MWG	127.50	1.11	0.56
VCB	83.40	1.58	0.54

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	128.0	-1.31	-1.20
VRE	32.7	-1.21	-0.25
PNJ	79.5	-1.12	-0.22
SAB	262.0	-0.61	-0.16
STB	10.5	-0.47	-0.12

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	127.5	1.1%	0.7	2,454	3.2	7,893	16.2	5.4	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	79.5	-1.1%	1.0	769	2.1	4,727	16.8	4.3	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	75.7	1.2%	1.3	2,307	0.7	1,505	50.3	3.5	25.3%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	33.8	0.9%	0.7	340	0.2	3,061	11.0	1.2	52.5%	10.7%
VIC	Bất động sản	119.9	0.1%	1.1	17,443	0.8	1,643	73.0	4.9	15.2%	8.3%
VRE	Bất động sản	32.7	-1.2%	1.1	3,311	4.9	1,033	31.7	2.7	31.9%	8.8%
NVL	Bất động sản	63.6	-0.3%	0.8	2,573	0.7	3,579	17.8	2.9	7.4%	17.8%
REE	Bất động sản	39.2	2.8%	1.0	528	2.1	5,261	7.5	1.3	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	17.5	0.0%	1.4	401	1.5	3,744	4.7	1.1	46.6%	27.0%
SSI	Chứng khoán	23.2	0.7%	1.3	511	3.0	1,997	11.6	1.3	57.0%	10.9%
VCI	Chứng khoán	35.0	2.2%	1.0	250	0.0	5,067	6.9	1.6	38.3%	24.7%
HCM	Chứng khoán	24.8	1.9%	1.4	329	1.0	1,434	17.3	1.8	56.3%	11.1%
FPT	Công nghệ	58.5	1.4%	0.8	1,725	4.1	4,349	13.5	3.0	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	46.0	2.2%	0.4	497	0.0	4,156	11.1	2.8	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	106.2	-0.1%	1.5	8,837	1.3	6,066	17.5	4.6	3.7%	26.9%
PLX	Dầu khí	60.6	0.2%	1.5	3,138	0.7	3,350	18.1	3.6	13.3%	20.1%
PVS	Dầu khí	19.3	-1.0%	1.7	401	1.8	2,397	8.1	0.7	23.0%	10.0%
BSR	Dầu khí	9.5	-1.0%	0.8	1,281	0.6	1,163	8.2	0.9	41.1%	11.0%
DHG	Dược	94.0	0.2%	0.5	534	0.0	4,616	20.4	4.0	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	13.6	1.5%	0.7	231	0.2	853	15.9	0.7	19.1%	5.0%
DCM	Hóa chất	7.5	-0.4%	0.6	171	0.2	897	8.3	0.6	2.5%	7.3%
VCB	Ngân hàng	83.4	1.6%	1.3	13,449	2.9	4,729	17.6	4.1	23.8%	25.6%
BID	Ngân hàng	40.0	1.5%	1.5	5,946	1.5	2,091	19.1	2.5	3.3%	13.7%
CTG	Ngân hàng	21.3	0.7%	1.6	3,448	2.3	1,470	14.5	1.1	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	22.4	1.4%	1.2	2,387	2.5	2,989	7.5	1.4	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	23.1	1.1%	1.1	2,287	3.9	3,215	7.2	1.4	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	23.7	1.3%	1.1	1,671	1.9	4,469	5.3	1.2	44.3%	26.4%
BMP	Nhựa	51.7	1.0%	0.9	184	0.3	5,017	10.3	1.7	77.8%	17.1%
NTP	Nhựa	38.5	-0.8%	0.3	149	0.0	4,490	8.6	1.4	21.1%	18.0%
MSR	Tài nguyên	16.8	0.0%	1.2	657	0.1	732	23.0	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	21.9	-0.2%	1.0	2,629	3.9	2,760	7.9	1.4	38.0%	19.9%
HSG	Thép	6.9	2.4%	1.5	126	0.9	425	16.1	0.5	17.6%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	128.0	-1.3%	0.8	9,691	6.7	5,465	23.4	7.9	59.0%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	262.0	-0.6%	0.8	7,305	0.2	6,735	38.9	9.6	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	78.8	0.4%	1.2	4,005	0.8	3,304	23.9	2.9	40.3%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	17.8	-0.3%	0.5	406	0.9	542	32.9	1.6	6.0%	4.9%
ACV	Vận tải	76.1	-1.2%	0.8	7,203	0.3	2,630	28.9	5.4	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	137.5	-0.1%	1.1	3,132	2.0	9,850	14.0	5.3	19.9%	43.3%
HVN	Vận tải	33.6	0.0%	1.7	2,072	0.4	1,747	19.2	2.6	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	27.5	0.4%	0.8	355	0.3	1,888	14.6	1.3	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	17.0	-2.0%	0.6	208	1.3	2,435	7.0	1.2	30.7%	17.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	108.4	5.6%	0.9	739	1.6	7,667	14.1	5.5	2.2%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.4	0.3%	0.8	377	0.2	1,327	14.6	1.3	13.5%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.1	0.0%	0.8	250	0.0	1,657	9.1	1.1	6.3%	11.7%
CTD	Xây dựng	94.0	-1.1%	0.7	312	0.2	13,535	6.9	0.9	48.9%	13.4%
VCG	Xây dựng	26.4	0.0%	1.1	507	0.3	1,352	19.5	1.8	0.0%	9.9%
CII	Xây dựng	23.5	6.8%	0.5	253	2.2	387	60.8	1.2	51.4%	1.9%
POW	Điện	12.9	-0.4%	0.6	1,308	0.6	820	15.7	1.2	14.6%	7.8%
NT2	Điện	24.1	0.4%	0.6	302	0.2	2,241	10.8	1.7	19.9%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	83.40	1.58	1.42	795100.00
BID	40.00	1.52	0.61	862420.00
TCB	23.75	1.71	0.41	2.33MLN
VPB	22.35	1.36	0.22	2.57MLN
BVH	75.70	1.20	0.19	223610.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	128.00	-1.31	-0.87	1.21MLN
SAB	262.00	-0.61	-0.30	19770.00
VRE	32.70	-1.21	-0.28	3.41MLN
VHM	89.20	-0.11	-0.10	231930.00
PNJ	79.50	-1.12	-0.06	604640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TSC	2.47	6.93	0.01	1.53MLN
CTF	23.95	6.92	0.02	54520.00
FTM	3.40	6.92	0.00	255240.00
PTC	6.51	6.90	0.00	10.00
TTE	17.10	6.88	0.01	10.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CCL	9.30	-7.00	-0.01	1.05MLN
MCP	18.60	-7.00	-0.01	20.00
TGG	2.13	-6.99	0.00	2.11MLN
DTA	5.81	-6.89	0.00	20130.00
LM8	19.60	-6.67	0.00	10.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.70	1.28	0.50	1.85MLN
VCS	108.40	5.55	0.19	350600.00
HHC	122.50	9.96	0.11	100.00
MBG	34.60	9.84	0.06	42000.00
PGS	31.90	2.90	0.03	51700.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	19.30	-1.03	-0.05	2.11MLN
SHN	9.00	-2.17	-0.03	41400.00
TNG	17.80	-2.20	-0.02	1.52MLN
C69	28.40	-7.19	-0.02	430900.00
DHT	45.00	-2.17	-0.02	27100.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

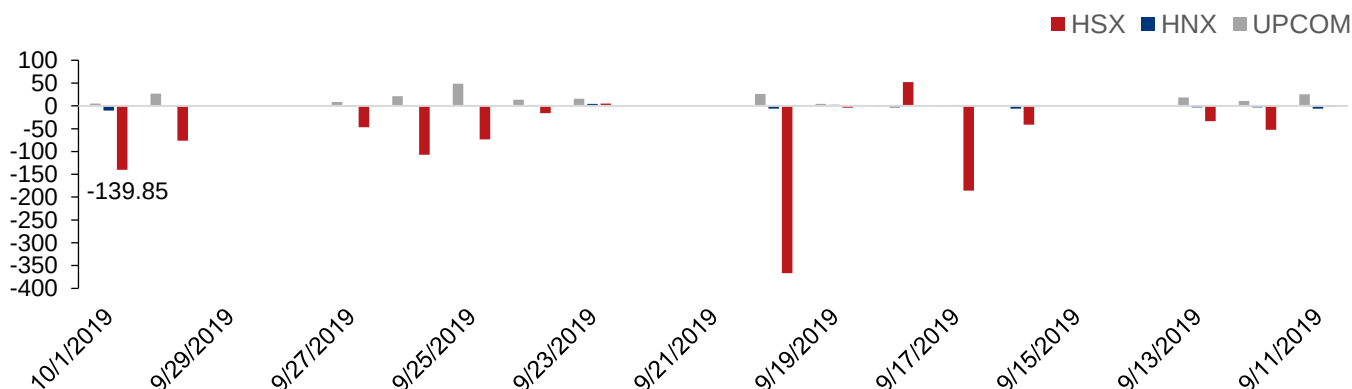
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PBP	9.90	10.0	0.00	1800.00
HHC	122.50	10.0	0.11	100.00
MBG	34.60	9.8	0.06	42000.00
PGT	4.50	9.8	0.00	2000.00
QHD	15.90	9.7	0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.50	-16.67	0.00	55300.00
SDA	2.70	-10.00	-0.01	1300.00
SDG	30.80	-9.94	-0.01	100.00
VDL	20.10	-9.87	-0.01	100.00
VC6	11.00	-9.84	-0.01	1000.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
2	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
5	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
8	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
9	2019M2_Biến động giảng co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
10	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
11	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
13	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
15	VM_M11_Giao dịch giảng co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
18	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô_ Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	78.8	3,304	23.9	2.9	Click
2	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	128.0	5,465	23.4	7.9	Click
3	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	22.5	2,680	8.4	1.6	Click
4	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	39.2	5,261	7.5	1.3	Click
5	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	83.6	18,865	4.4	1.7	Click
6	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	9.7	2,076	4.7	0.6	Click
7	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	23.7	4,469	5.3	1.2	Click
8	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	15.0	1,098	13.6	1.2	Click
9	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	83.4	4,729	17.6	4.1	Click
10	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	22.7	1,295	17.5	1.8	Click
11	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	23.1	3,215	7.2	1.4	Click
12	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	57.1	2,801	20.4	3.4	Click
13	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	27.5	1,888	14.6	1.3	Click
14	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	28.6	3,705	7.7	2.1	Click
15	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	58.5	4,349	13.5	3.0	Click
16	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	14.2	649	21.9	1.2	Click
17	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	127.5	7,893	16.2	5.4	Click
18	PNJ	Bán lẻ	Mua	9/8/2019	84.8	97.2	79.5	4,727	16.8	4.3	Click
19	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	1/7/2019	58.0	61.4	55.1	5,276	10.4	3.0	Click
20	VSC	Cảng biển	Theo dõi	24/06/2019	31.8	34.6	27.6	4,234	6.5	0.9	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TPB 2019Q3	5/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 22724 ; Giá tại Publish 21250 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu TPB với giá mục tiêu 22,548 VND/cp với phương pháp P/B = 1.5x sv trung bình ngành hiện tại 1.3x với luận điểm (1) khả năng sinh lời và chất lượng tài sản ở mức trung bình so với ngành ngân hàng hiện tại, (2) định giá tương đương với trung bình toàn ngành, (3) tăng trưởng cho vay mua ô tô ẩn tượng sẽ giúp TPB tăng trưởng trong năm nay. Chúng tôi nâng dự báo TPB trong năm 2019 lên mức TOI và PBT lần lượt đạt mức 6,884 tỷ VND (+22.3% yoy) và 2,959 tỷ VND (+31% yoy) với thay đổi ở giá định (1) tăng trưởng tín dụng ở mức 17% trong năm 2019, (2) NIM được cải thiện lên mức 4.31%, (3) CIR = 45%. EPS 2019 = 2,750 VND/cp, BVPS = 15,150 VND/cp.
PAC 2019Q3	21/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 28500 ; Giá tại Publish 30100 BSC dự báo năm 2019 DTT và LNTT của PAC lần lượt đạt 3,063 tỷ (+3.3% YoY) và 215 tỷ (+10.1% YoY), tương ứng với EPS 2019 đạt 3,701 VND/cp. KQKD 1H.2019 ghi nhận tốc độ tăng trưởng ấn tượng nhờ giá kèm thể giới giảm mạnh khiến chi phí đầu vào giảm. PAC ghi nhận doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt là 1,586 tỷ (+2.6% yoy) và 101 tỷ (+38 % yoy). Biên lợi nhuận gộp tăng lên mức 15.2% so với cùng kỳ là 12.7%. Ác quy cho ô tô vẫn chiếm tỷ trọng chính, chiếm 85% tổng doanh thu. Pin chiếm 10% doanh thu, còn lại là các sản phẩm khác. Sản phẩm ác quy chủ yếu vẫn phục vụ cho ô tô tại thị trường nội địa.
MBB 2019Q3	5/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 138500 ; Giá tại Publish 120600 Chúng tôi điều chỉnh dự báo TOI và PBT của MBB trong năm 2019 lên -1.4%/+3.5% với việc thay đổi quan điểm về tăng trưởng tín dụng (từ 14% lên 17% với ngân hàng mẹ, 37% với M Credit), tỷ lệ casa giảm về mức 34.3%. CIR được giữ ở mức 45%. Khả năng sinh lời được giữ ở mức cao so với toàn ngành. (1) Thu nhập lãi thuần đạt mức 4,395 tỷ VND (+25.4% yoy), (2) Thu nhập ngoài lãi tăng trưởng mạnh mẽ từ thu phí dịch vụ (+59% yoy). Chất lượng tài sản ở mức tốt, tuy nhiên việc nới lỏng cho vay của M Credit có thể ảnh hưởng đến kết quả chung của MBB. NPL ngân hàng hợp nhất = 1.18%, trong đó NH mẹ = 1.08%, M Credit = 11%. Tỷ lệ bao nợ xấu (LLCR) = 97.6%, cao hơn so với trung bình ngành giúp đảm bảo hoạt động của ngân hàng.
DBD 2019Q3	5/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 47400 Năm 2019, DBD kỳ vọng doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt đạt 1,500 tỷ (+1.8% YoY) và 200 tỷ (-0.4% YoY), tương ứng với EPS 2019 là 3,055 VND/cp. Động lực tăng trưởng sẽ đến từ các dự án xây dựng nhà máy mới. Trong giai đoạn 2019 – 2027, công ty có kế hoạch đầu tư xây dựng 3 dự án nhà máy mới, nâng tổng số nhà máy sản xuất được lên 4 nhà máy. Hiện tại, dự án NM DX DP Bidiphar CNC đã hoàn thiện phần xây dựng cơ bản. Công ty sẽ tiến hành lắp đặt máy móc để có thể tiến hành nghiệm thu trong Q4.2019 như kế hoạch đề ra. DBD dự kiến công suất năm đầu tiên của NM đạt 500,000 lọ/năm (~ 100 tỷ DT) và nâng lên 1,800,000 lọ/năm (~300 tỷ năm) trong năm thứ 5.
VCB 2019Q3	5/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu N/A ; Giá tại Publish 81900 Chúng tôi điều chỉnh dự báo của VCB lần lượt TOI và PBT trong năm 2019 +0.6%/+8.8% với việc thay đổi giả định về CIR = 36% (sv 41% với dự báo trước). Trong 1H2019, VCB đã ghi nhận TOI = 17,078 tỷ VND (+31.4% yoy), PBT = 11,303 tỷ VND (+41% yoy). Thu nhập lãi thuần trong 1H2019 +31.4% yoy nhờ việc cơ cấu các khoản cho vay: (1) Tăng trưởng tín dụng +9.7% ytd, (2) NIM = 3.27%. Thu nhập ngoài lãi -3.1% yoy, kỳ vọng từ mảng bảo hiểm được ký kết độc quyền. Chất lượng tài sản được đánh giá cao. NPL = 1.01%, là ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất ngành nếu xét về quy mô lớn. Tỷ lệ bao nợ xấu (LLCR) = 178%, cao nhất trong hệ thống ngân hàng. LDR và tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn ở mức thấp giúp đảm bảo thanh khoản.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn